

Số: 255/QĐ-MNTT

Quận 1, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
về việc công khai dự toán chi tiết các nội dung thu – chi
năm học 2024 – 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TUỔI THƠ

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện theo Công văn số 241/MNTT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Tuổi Thơ về việc đề nghị thực hiện các khoản thu năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Ban thanh tra nhân dân, bộ phận tài chính nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi tiết nội dung thu chi năm học 2024 – 2025 của Trường Mầm non Tuổi Thơ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, bộ phận Tài Chính và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bảng thông báo, Website trường;
- Lưu: VT. 



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Mai

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI NĂM HỌC 2024-2025

(Đính kèm công văn số 241/MNTT ngày 13/9/2024 của Trường Mầm non Tuổi Thơ)

(Đơn vị: đồng)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
A	SỐ HỌC SINH				150		
	+ Nhà trẻ	học sinh			10		
	+ Mẫu giáo	học sinh			140		
A	KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC						
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		1/A	550.000	550.412		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (A)		A		150		
	Tổng dự toán chi (1)		1		82.561.800	100%	
1.1	Chi phí				80.911.800	98%	
a	* Chi thanh toán cá nhân				63.151.800	76%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				19.570.000		
	+ Chi tiền công GV trực tiếp giảng dạy (0,7tr x 19 người)				13.300.000		
	+ Chi hỗ trợ tiền ăn GV trực tiếp giảng dạy (0,33tr x 19 người)				6.270.000		
	- Chi bộ phận trực tiếp				43.581.800		
	+ Chi tiền lương cho hợp đồng (3 nhân viên)				18.376.800		
	+ Chi tiền công BGH- VP (0,7tr x 6 người)				4.200.000		
	+ Chi tiền công nhân viên HD (0,7tr x 8 người)				5.600.000		
	+ Chi hỗ trợ tiền ăn BGH- VP (0,33tr x 6 người)				1.980.000		
	+ Chi hỗ trợ tiền ăn nhân viên HD (0,33tr x 8 người)				2.640.000		
	+ Tiền quản lý phí: (HT,KT,TQ: 1% tổng thu)				825.000		
	+ Khác+ kiêm nhiệm				9.960.000		
b	* Chi nghiệp vụ chuyên môn				13.510.000	16%	
	- Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học				2.000.000		
	- Mua văn phòng phẩm, thay mực...				2.000.000		
	- Tổ chức các chuyên đề, Khai giảng, tổng kết				350.000		
	- Mua sắm vật tư, đồ dùng vệ sinh				8.500.000		
	- Chi thanh toán tiền vệ sinh môi trường				660.000		
c	* Chi hỗ trợ cơ sở vật chất				4.250.000	5%	
	- Tiền mạng internet				1.650.000		
	- Vật tư sửa điện, nước...				2.000.000		
	- Bảo trì thang máy, thang nâng				600.000		
1.2	* Chi nộp thuế TNDN 2%				1.650.000	2%	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		2/B	220.000	219.584		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (B)		B		124		
	Tổng dự toán chi (2)		2		27.228.400	100%	
a	Chi phí				26.682.800	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				14.630.000		
	+ Chi tiền công GV trực tiếp (0,77tr x 19 người)				14.630.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				12.052.800		
	+ Chi công phục vụ BGH, VP (0,77tr x 6 người)				4.620.000		
	+ Chi tiền công phục vụ nhân viên HD (0,77tr x 8 người)				6.160.000		
	+ Chi tiền phụ cấp nấu ăn (4 người)				1.000.000		
	- + Chi tiền quản lý phí: (HT,KT,TQ: 1% tổng thu)				272.800		
b	* Chi nộp thuế TNDN 2%				545.600	2%	
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ					Không thu
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày					
	Mức thu		4/D	57.000	57.000		Tăng 7.000d/ngày - tăng 14% so với năm học 2023-2024

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
	Số học sinh tham gia hoạt động (D)		D		95		
	Tổng dự toán chi (4)		4		5.415.000	100%	
4.1	Chi phí				5.306.700	98%	
a	* Chi thanh toán cá nhân				4.223.700	78%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.707.500		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				2.707.500		
	- Chi bộ phận gián tiếp				1.516.200		
	+ Chi Ban giám hiệu				812.250		
	+ Chi bộ phận hành chính				649.800		
	- + Chi tiền quản lý phí: (HT,KT,TQ: 1% tổng thu)				54.150		
b	* Chi hỗ trợ hoạt động, mua sắm, sửa chữa CSVN				1.083.000	20%	
4.2	* Chi nộp thuế (2%)				108.300	2%	
5	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)	đồng/học sinh/tháng					
5.1	Nhà trẻ						
	Mức thu		5.1/E	80.000	80.000		Giảm 5.000đ/tháng - giảm 6,25% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (E)		E		10		
	Tổng dự toán chi (5.1)		5.1		800.000	100%	
a	Chi phí				784.000	98%	
	- Mức lương tối thiểu vùng (1 nhân viên)				784.000		
b	* Chi nộp thuế 2%				16.000	2%	
5.2	Mẫu giáo						
	Mức thu		5.2/F	80.000	80.000		Giảm 5.000đ/tháng - giảm 6,25% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (F)		F		140		
	Tổng dự toán chi (5.2)		5.2		11.200.000		
a	Chi phí				10.976.000		
	- Mức lương tối thiểu vùng (3 nhân viên)				7.479.200		
	- 23,5 % BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ:				3.496.800		
b	* Chi nộp thuế 2%				224.000		
6	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm					
	Mức thu		6/G	40.000	40.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (G)		G		150		
	Tổng dự toán chi (6)		6		6.000.000	100%	
6.1	Chi phí				5.880.000	98%	
	- Tiền công trung tâm y tế khám sức khỏe ban đầu cho học sinh				5.250.000		
	- Tiền công nhân viên nhập kết quả KSK ban đầu				630.000		
6.2	* Chi nộp thuế 2%				120.000	2%	
7	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	đồng/học sinh/tháng					
7.1	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh						
	Mức thu		7/H	30.000	30.086		Mới phát sinh năm học 2024-2025
	Số học sinh tham gia hoạt động (H)		H		73		
	Tổng dự toán chi (7)		7		2.196.270	100%	
a	Chi phí				2.152.470	98%	
	- Tiền điện sử dụng máy lạnh cho học sinh				1.702.470		
	- Tiền vệ sinh, bổ dưỡng, duy tu máy lạnh				450.000		
b	* Chi nộp thuế 2%				43.800	2%	
7.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê				Không thu		
8	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Số liên lạc điện tử, Phần mềm quản lý, Phần mềm học trực tuyến)	đồng/học sinh/tháng			Không thu		
B	KHOẢN THU KHÁC						

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
I	CÁC KHOẢN THU TỜ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC						
1	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường						
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	đồng/học sinh/tháng					
1.1.1	Vẽ khung và viền nét	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/1	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		1	35			
	Tổng dự toán chi (8)		8	2.450.000	100%		
a	Chi phí			2.401.000	98%		
	- Chi bộ phận trực tiếp			2.012.500			
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)			1.837.500			
	+ Chi trực tiếp giáo viên			175.000			
	- Chi bộ phận gián tiếp			388.500			
	+ Chi Ban giám hiệu			263.500			
	+ Chi bộ phận hành chính			125.000			
b	* Chi nộp thuế (2%)			49.000	2%		
1.1.2	Vẽ phối hợp màu và bố cục tranh	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/1	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		1	35			
	Tổng dự toán chi (8)		8	2.450.000	100%		
a	Chi phí			2.401.000	98%		
	- Chi bộ phận trực tiếp			2.012.500			
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)			1.837.500			
	+ Chi trực tiếp giáo viên			175.000			
	- Chi bộ phận gián tiếp			388.500			
	+ Chi Ban giám hiệu			263.500			
	+ Chi bộ phận hành chính			125.000			
b	* Chi nộp thuế (2%)			49.000	2%		
1.1.3	Nhịp điệu ép dẻo và tập nghe nhịp nhạc	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/1	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		1	35			
	Tổng dự toán chi (8)		8	2.450.000	100%		
a	Chi phí			2.401.000	98%		
	- Chi bộ phận trực tiếp			2.012.500			
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)			1.837.500			
	+ Chi trực tiếp giáo viên			175.000			
	- Chi bộ phận gián tiếp			388.500			
	+ Chi Ban giám hiệu			263.500			
	+ Chi bộ phận hành chính			125.000			
b	* Chi nộp thuế (2%)			49.000	2%		
1.1.4	Nhịp điệu tập động tác và kết hợp với nhạc	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/1	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		1	35			
	Tổng dự toán chi (8)		8	2.450.000	100%		
a	Chi phí			2.401.000	98%		
	- Chi bộ phận trực tiếp			2.012.500			
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)			1.837.500			
	+ Chi trực tiếp giáo viên			175.000			
	- Chi bộ phận gián tiếp			388.500			
	+ Chi Ban giám hiệu			263.500			
	+ Chi bộ phận hành chính			125.000			
b	* Chi nộp thuế (2%)			49.000	2%		
1.1.5	Vỡ tập hít thở, tập tấn trọng và ép dẻo	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/1	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		1	35			
	Tổng dự toán chi (8)		8	2.450.000	100%		

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
a	Chi phí				2.401.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.012.500		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)				1.837.500		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				175.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				388.500		
	+ Chi Ban giám hiệu				263.500		
	+ Chi bộ phận hành chính				125.000		
b	* Chi nộp thuế (2%)				49.000	2%	
1.1.6	Võ đi động tác quyền và múa võ theo nhạc	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/I	70.000	70.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		I		35		
	Tổng dự toán chi (8)		8		2.450.000	100%	
a	Chi phí				2.401.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.012.500		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)				1.837.500		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				175.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				388.500		
	+ Chi Ban giám hiệu				263.500		
	+ Chi bộ phận hành chính				125.000		
b	* Chi nộp thuế (2%)				49.000	2%	
1.1.7	Múa nhảy và nhún chân làm quen với nhạc	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/I	80.000	80.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		I		40		
	Tổng dự toán chi (8)		8		3.200.000	100%	
a	Chi phí				3.136.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.600.000		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)				2.400.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				200.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				536.000		
	+ Chi Ban giám hiệu				361.000		
	+ Chi bộ phận hành chính				175.000		
b	* Chi nộp thuế (2%)				64.000	2%	
1.1.8	Múa nhảy động tác nhanh và cover tiktok	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		8/I	80.000	80.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (I)		I		40		
	Tổng dự toán chi (8)		8		3.200.000	100%	
a	Chi phí				3.136.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.600.000		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (75%)				2.400.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				200.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				536.000		
	+ Chi Ban giám hiệu				361.000		
	+ Chi bộ phận hành chính				175.000		
b	* Chi nộp thuế (2%)				64.000	2%	
1.2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống						
1.2.1	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		9/J	120.000	120.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (J)		J		35		
	Tổng dự toán chi (9)		9		4.200.000	100%	
a	Chi phí				4.116.000	98%	
	* Chi thanh toán cá nhân				4.116.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				3.902.500		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (90%)				3.780.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				122.500		
	- Chi bộ phận gián tiếp				213.500		
	+ Chi Ban giám hiệu				135.500		
	+ Chi bộ phận hành chính				78.000		
b	* Chi nộp thuế (2%)				84.000	2%	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
1.2.2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng tư duy toán	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		9/J	90.000	90.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (J)		J		35		
	Tổng dự toán chi (9)		9		3.150.000	100%	
a	Chi phí				3.087.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.957.500		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (90%)				2.835.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				122.500		
	- Chi bộ phận gián tiếp				129.500		
	+ Chi Ban giám hiệu				87.000		
	+ Chi bộ phận hành chính				42.500		
b	* Chi nộp thuế (2%)				63.000	2%	
1.2.3	Tiền tổ chức dạy kỹ năng tư duy ngôn ngữ	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		9/J	90.000	90.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (J)		J		35		
	Tổng dự toán chi (9)		9		3.150.000	100%	
a	Chi phí				3.087.000	98%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				2.957.500		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (90%)				2.835.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				122.500		
	- Chi bộ phận gián tiếp				129.500		
	+ Chi Ban giám hiệu				87.000		
	+ Chi bộ phận hành chính				42.500		
b	* Chi nộp thuế (2%)				63.000	2%	
1.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng			Không thu		
1.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		10/K	350.000	350.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (K)		K		30		
	Tổng dự toán chi (10)		10		10.500.000	100%	
a	Chi phí				10.290.000	98%	
	* Chi thanh toán cá nhân				9.790.000	93%	
	- Chi bộ phận trực tiếp				8.610.000		
	+ Chi trực tiếp giảng dạy theo hợp đồng (80%)				8.400.000		
	+ Chi trực tiếp giáo viên				210.000		
	- Chi bộ phận gián tiếp				1.180.000		
	+ Chi Ban giám hiệu				820.000		
	+ Chi bộ phận hành chính				360.000		
	* Chi hỗ trợ CSVC và hoạt động				500.000	5%	
b	* Chi nộp thuế (2%)				210.000	2%	
1.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng			Không thu		
1.6	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khảo sát làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo	đồng/học sinh/lần					
II CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO CÁC ĐỀ ÁN							
6	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"	đồng/học sinh/tháng			Không thu		
III CÁC KHOẢN THU CHO CÁ NHÂN HỌC SINH							
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, thìa, muỗng, ly, cốc)	đồng/học sinh/năm					
	Mức thu		11/L	400.000	400.000		Giữ nguyên
	Số học sinh tham gia hoạt động (L)		L		150		
	Tổng dự toán chi (11)		11		60.000.000	100%	
7.1	Chi phí				58.800.000	98%	
	- Mua sắm thiết bị, vật tư, đồ dùng bán trú				58.800.000		
7.2	* Chi nộp thuế 2%				1.200.000	2%	
8	Tiền mua sắm đồng phục cho học sinh	đồng/học sinh/bộ					Không thu

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Mức thu dự kiến	Dự toán	Tỷ lệ (%)	GHI CHÚ (*)
9	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu	đồng/học sinh/năm					
9.1	Học phẩm	đồng/học sinh/năm					
	Mức thu		12/M	34.000	34.000		Tăng 4.000đ/năm - tăng 13,3% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (M)		M		150		
	Tổng dự toán chi (12)		12		5.100.000	100%	
a	Chi phí				5.100.000	100%	
	-Mua giấy, tập cho HS				5.100.000		
9.2	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm					
	Mức thu		13/N	360.000	360.000		Tăng 40.000đ/năm - tăng 12,5% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (N)		N		150		
	Tổng dự toán chi (13)		13		54.000.000	100%	
	Chi phí				54.000.000	100%	
	-Mua sách				6.000.000		
	-Mua dụng cụ học tập bút, màu, hồ...				15.000.000		
	-Mua đồ chơi, kệ góc học tập				25.000.000		
	-Mua vật tư làm đồ dùng dạy học				4.000.000		
	-Khác: (tài liệu, đĩa CD TL, ép tập sách....)				4.000.000		
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày					
	Mức thu		14/O	40.000	40.000		Tăng 5.000đ/ngày - tăng 12,5% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (O)		O		150		
	Tổng dự toán chi (14)		14		6.000.000	100%	
	Chi phí				6.000.000	100%	
	- Chi hết cho bữa ăn trưa của học sinh				6.000.000		
11	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày					
	Mức thu		15/P	19.000	19.000		Tăng 2.000đ/ngày - tăng 11,8% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (P)		P		100		
	Tổng dự toán chi (15)		15		1.900.000	100%	
	Chi phí				1.900.000	100%	
	- Chi hết cho bữa ăn sáng của học sinh				1.900.000		
12	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng					
	Mức thu		16/Q	19.000	19.000		Tăng 2.000đ/ngày - tăng 11,8% so với năm học 2023-2024
	Số học sinh tham gia hoạt động (Q)		Q		150		
	Tổng dự toán chi (16)		16		2.850.000	100%	
a	Chi phí				2.850.000	100%	
	- Chi hết tiền nước uống của học sinh				2.850.000		

Người lập biểu

Lưu Quang Dũng

